

VÀI KINH NGHIỆM VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN QUỐC GIA TRONG CÁC NƯỚC ASEAN

GS. Vũ Dương Ninh

Trong vài thập niên qua, các nước ASEAN đã dần dần nổi lên như một điểm sáng ở Đông Nam Á nhờ những thành công trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Các nhà kinh tế học phân tích từ các số liệu thống kê, từ những biến chuyển trong cơ cấu công nghiệp và trong nền kinh tế, từ những chính sách đầu tư, tài chính, giá cả, ngoại thương để tìm ra nguyên nhân của sự phát triển đó. Bài viết này, từ góc độ sử học, phác lên đôi nét về tác động của hệ thống chính trị đối với những thành tựu kinh tế trong các nước ASEAN.

*
* *

1. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á lần lượt bước vào cuộc hành trình kiến quốc với tư cách *những quốc gia độc lập, có chủ quyền*. Bằng phương thức khác nhau và ở mức độ khác nhau trong quá trình tiến tới độc lập, các nước trong khu vực đều thoát khỏi ách thống trị thực dân, thành lập nhà nước của riêng mình và lãnh đạo công cuộc xây dựng kinh tế - xã hội của đất nước mình.

Nửa thế kỷ đã trôi qua, hiện tượng này tưởng như một lẽ đương nhiên, nhưng thực ra mang ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi vì nếu không có tiền đề của một nền chính trị độc lập thì nền kinh tế - xã hội ắt sẽ diễn biến theo một chiều hướng khác. Những thành tựu dù có đạt được cũng chỉ nằm trong khuôn khổ lệ thuộc vào các cường quốc khác mà thôi. Chính yếu tố cơ bản này đã khơi dậy tinh thần dân tộc tự cường trong sự nghiệp xây dựng đất nước và nâng cao vị trí của quốc gia trong mối quan hệ quốc tế. Ngay từ những ngày đầu sau thế chiến, sự thành lập 2 nhà nước độc lập Indônêxia và Việt Nam đã báo hiệu sự phân hóa theo 2 xu hướng TBCN và XHCN trên bản đồ chính trị Đông Nam Á. Gần hết nửa sau thế kỷ XX, yếu tố này đã chi phối sâu sắc tình hình mỗi quốc gia và rộng toàn khu vực. Sau nhiều cố gắng thương lượng, tháng 8-1967, năm nước Đông Nam Á đã tụ hội trong một tổ chức liên kết, gọi tắt là ASEAN (1).

Các thành viên của ASEAN gặp gỡ nhau ở mục đích xây dựng sự hợp tác để phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Nó bao hàm ý tưởng liên kết để giảm bớt sức ép từ các nước lớn, ngăn chặn "làn sóng cộng sản" đang thẳng thế ở Trung Quốc và các nước Đông Dương. Các nước ASEAN có chung mục tiêu xây dựng quốc gia độc lập theo xu hướng TBCN trong điều kiện lịch sử thuận lợi của *những năm tháng hòa bình, không bị chiến tranh tàn phá* (riêng Indônêxia phải trải qua cuộc kháng chiến chống Hà Lan 5 năm 1945-50).

(1) ASEAN: Association of South East Asia Nations - Hội các nước Đông Nam Á, gồm Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Singapo, Philippin. Năm 1984 thêm Brunây.

Hơn thế nữa, một số nước đã lợi dụng *thời cơ làm giàu trong cuộc chiến tranh Đông dương*. Các nước ASEAN chuyển từ chế độ thuộc địa của các nước tư bản thành quốc gia độc lập theo con đường tư bản. Nghĩa là nó có *một quá trình phát triển liên tục* trên quỹ đạo TBCN, vẫn tuân theo quy luật kinh tế TBCN và một cung cách làm ăn, vẫn gắn liền với thị trường thế giới và những bạn hàng quen thuộc. Việc không trải qua sự tàn phá trong chiến tranh, không phải đi con đường quanh co gấp khúc để tiếp cận thị trường đã thu ngắn một khoảng thời gian đáng kể trên con đường xây dựng đất nước. Điều này có ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng hệ thống chính trị và bảo đảm sự phát triển kinh tế của nó.

2. Lực lượng lãnh đạo ở các quốc gia ASEAN là *giai cấp tư sản dân tộc*, một giai cấp đã mang lại nền độc lập cho đất nước. Sau gần nửa thế kỷ phát triển, nó đã vượt qua được giai đoạn nhỏ bé về kinh tế, yếu ớt về chính trị của chế độ thuộc địa. Ngày nay giai cấp tư sản đang cầm quyền ở ASEAN đã mang trong mình *một tiềm năng lớn về kinh tế*, nắm các vị trí kinh tế quan trọng và làm chủ nền kinh tế dân tộc. Họ cũng không còn là những trí thức nhỏ đã từng dẫn đầu phong trào yêu nước vào nửa đầu thế kỷ XX. Được đào tạo một cách hệ thống trong nhà trường tư bản chủ nghĩa, các thế hệ tiếp nối dần dần hình thành một đội ngũ trí thức mới, có *một tiềm năng lớn về tri thức để bắt kịp đà tiến bộ của khoa học kỹ thuật*, để hòa nhập vào thế giới đang biến chuyển nhanh chóng và từ đó, định hướng chiến lược phát triển đúng đắn cho đất nước. Nguồn trí tuệ có đào tạo và biết khai thác tạo nên động lực mạnh mẽ để bước vào thế giới tin học đang đón chờ ở phía trước. Trong một số nước ASEAN (Indônêxia, Philippin, Thái Lan), quyền lực chính trị thường ở trong tay các tướng lĩnh. Họ được đào tạo ở các trường võ bị trong nước hay nước ngoài, được tích lũy một nguồn tri thức đáng kể, nắm trong tay *một tiềm năng lớn về quân sự*. Với công cụ bạo lực mạnh, họ áp đảo giới dân sự và các phe phái đối lập. Đồng thời, họ tham gia kinh doanh lớn, đặc biệt nhờ vào các vùng, các mạch giao thông dưới quyền cai quản của họ. Dần dần, lớp người này vừa có *tiềm năng kinh tế*, vừa có trình độ tri thức, lại nắm trong tay lực lượng quân đội. Nhờ vậy, họ chiếm lĩnh các vị trí quan trọng của bộ máy Nhà nước, và nhiều khi giành chức vị tổng thống hay thủ tướng chính phủ.

Di theo quỹ đạo TBCN, các quốc gia ASEAN tìm kiếm được *điểm tựa mạnh trong quan hệ quốc tế*. Mặc dầu có sự cạnh tranh thị trường nhiều khi đến độ gay gắt, lại chịu sức ép về chính trị có lúc không kém phần thô bạo, ASEAN vẫn tìm thấy ở các nước tư bản lớn một đồng minh chính trị, một bạn hàng có sức nặng về kinh tế, một nguồn đầu tư và cung cấp kỹ thuật thiết bị. Không tránh khỏi những cuộc khủng hoảng có tính quy luật của chủ nghĩa tư bản, nhìn về tổng thể thì sự phát triển của thế giới tư bản đến nay vẫn giữ được sự yên ổn của nó. Yếu tố quốc tế này góp phần củng cố chế độ nhà nước và thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở các nước ASEAN.

Những yếu tố trên làm cho giai cấp tư sản các nước ASEAN có khả năng lãnh đạo đất nước họ và được nhân dân thừa nhận là người lãnh đạo đất nước. Do quyền lợi giai cấp, tình trạng bóc lột vẫn duy trì, mâu thuẫn giữa người chủ và người lao động không biến mất, sự chênh lệch mức sống trong xã hội vẫn nặng nề... Nhưng ở thời điểm hiện tại, sự phát triển nền kinh tế của đất nước cũng đem lại lợi ích cho bản thân họ và sự *chăm lo lợi ích của chính họ cũng làm cho kinh tế của quốc gia tăng tiến*. Cho nên, mặc dầu có sự khác biệt, thậm chí mâu thuẫn về quyền lợi, nhưng trong giai đoạn hiện nay, vẫn có

sự phù hợp giữa lợi ích của giai cấp cầm quyền với lợi ích của quốc gia. Chính sự phù hợp này đã tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế - xã hội trong các nước ASEAN

3. Giai cấp tư sản cầm quyền nắm trong tay và sử dụng 3 công cụ chính là bộ máy nhà nước, chính đảng và quân đội để củng cố địa vị thống trị của mình.

Trở thành quốc gia độc lập, các nước này xây dựng bộ máy nhà nước theo mô hình hiện đại, dựa trên nguyên tắc phân lập ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp; hoạt động của nhà nước dựa trên cơ sở của hiến pháp và pháp luật; thiết lập các cơ quan quyền lực thích ứng với sự phân quyền trên. Một số nước chọn lựa chính thể Cộng hòa như Indônêxia, Philippin, Singapo, một số khác duy trì truyền thống lịch sử, giữ lại ngôi vua với chế độ Vương quốc như Thái Lan, Malaixia, Brunây. Trong khi xây dựng hệ thống quyền lực, họ thường phải giải quyết 2 vấn đề lớn, đôi khi dẫn đến tình trạng gay gắt là vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo. Xu hướng chung trong nhiều quốc gia là tìm cách xóa bỏ nguồn gốc xuất thân để tạo nên một dân tộc thống nhất. Đó là tình trạng Singapo và Malaixia, sự phân biệt giữa các cộng đồng người Ấn, người Hoa, người Malai đang bị loại trừ để tiến đến một dân tộc mới: dân tộc Singapo, dân tộc Malaixia. Sự cố gắng theo hướng đó chưa phải đã đem lại kết quả vì ấn tượng và tâm lý dân tộc ăn sâu bén rễ trong mỗi con người. Và lại, hiến pháp Liên bang Malaixia vẫn quy định ngôi vua (được gọi là Vị chấp chính tối cao) và thủ tướng phải là những người gốc Malai, theo đạo Hồi. Đông Nam Á là nơi tụ hội của các tôn giáo lớn, đa số cư dân ở Philippin theo đạo Cơ đốc; ở Indônêxia, Malaixia, Brunây theo đạo Hồi, ở các nước lục địa theo đạo Phật. Ngoài ra còn các tôn giáo khác nữa. Những mâu thuẫn tôn giáo vẫn là vấn đề nhức nhối dai dẳng, tuy không bùng nổ dữ dội như ở Ấn Độ hay vùng Nam Á.

Hệ thống các chính đảng cũng là vấn đề rất được quan tâm. Các nước ASEAN đều theo chế độ nhiều đảng, nhưng giới cầm quyền bao giờ cũng nắm chắc một đảng hoặc một tổ chức có vai trò như một đảng. Nổi bật là Đảng Hành động nhân dân ở Singapo thành lập năm 1954, cho đến nay vẫn chiếm địa vị lãnh đạo độc tôn trên quốc gia - đảo này. Có thể tìm ra 4 lý do tạo nên ưu thế của đảng Hành động nhân dân: ra đời trong cuộc đấu tranh giành độc lập và trên thực tế đã mang lại độc lập cho đất nước; trong hơn phân 4 thế kỷ đã lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng đất nước thành một trong những con rồng châu Á; xây dựng tổ chức 3C (Citizen Consultative Committees: Ủy ban tư vấn công dân), một hệ thống liên kết các viên chức tư cơ sở đến trung ương, hoạt động như cánh tay của đảng HDND; có lãnh tụ tài năng là Lý Quang Diệu trong khi làm giàu cho đất nước thì cũng quan tâm nâng cao đời sống của người lao động, cố thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội. Những yếu tố trên nâng cao uy tín của đảng cầm quyền và xác lập địa vị lãnh đạo của nó đối với quốc gia.

Ở Indônêxia, sau sự tan vỡ của liên minh NASAKOM (đảng Quốc dân, đảng Hồi giáo, đảng Cộng sản) dưới thời Xucacnô, chế độ "Trật tự mới" của Xuhactô vẫn thực hiện chế độ nhiều đảng, nhưng không một đảng nào được phép hoạt động như một lực lượng đối lập, mà phải là "những thành viên trong một gia đình". Tuy vậy, giới cầm quyền đã nắm trong tay tổ chức GOLKAR (có nghĩa là Nhóm viên chức) tập hợp tất cả viên chức dân sự từng địa phương đến quy mô cả nước, hoạt động như một đảng bên trên các đảng khác. Khó mà tính đếm chính xác số đảng ở Thái Lan, nhất là trước mỗi kỳ bầu cử, các đảng phái "mọc lên như nấm". Nhưng lực lượng quyết định lại thuộc về giới quân sự, những

người nắm thực lực và thay nhau cầm quyền ở Thái Lan trong hơn một thế kỷ qua, trừ một số thời gian ngắn quyền lực thuộc phái dân sự. Ở Philippin cũng vậy, sau hai nhiệm kỳ đầu gặt hái nhiều thành tích rực rỡ, F.Maccôt từ năm 1973 đã chuyển sang chế độ độc tài quân sự, gia đình trị để ngôi lý trên chức vị tổng thống. Thời gian đó kéo dài đến năm 1986, do sức ép của quần chúng nhân dân, sự quay lưng của quân đội và sự bỏ rơi của Mỹ, Maccôt đành phải ra đi. Nhưng chính quyền dân sự C.Akinô cũng chỉ tồn tại 1 nhiệm kỳ để sau đó thay bằng tướng Ph.Ramôt, nhà đạo diễn những biến động chính trị ở Philippin trong thập kỷ qua.

4. Hệ thống chính trị như trên đã tác động như thế nào đến sự phát triển của nền kinh tế-xã hội các nước ASENA? Sự tác động ấy, xét từ góc độ lịch sử, chính là việc giải quyết mấy cặp quan hệ sau đây:

Trước hết là *mối quan hệ giữa dân chủ và phát triển*. Sẽ không hoàn toàn đúng nếu phác họa như một tỷ lệ thuận, càng dân chủ thì càng phát triển, hay ngược lại. Bởi vì các nước ASEAN cũng như nhiều nước phương Đông khác, vừa ra khỏi chế độ thuộc địa cũng với gánh nặng của hàng ngàn năm phong kiến. Nhiệm vụ đặt ra hàng đầu là sắp xếp cơ đồ trên một nền tảng nghèo nàn về kinh tế, còn mang nhiều dấu ấn nặng nề của quá khứ, lại chưa trải qua một cuộc cách mạng tư sản đích thực với đầy đủ ý nghĩa của nó. Nghĩa là, nó phải giải quyết trên nhiều mặt kinh tế, chính trị, xã hội, kể cả những thói quen trong bước chuyển biến từ một nền văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp. Thực hiện chế độ dân chủ là điều rất cần thiết nhằm đáp ứng những đòi hỏi chính đáng của người dân. Nhưng nếu thiếu thận trọng, thiếu tính toán trên cơ sở đặc điểm phương Đông thì hậu quả lại dẫn đến tình trạng thiếu tổ chức, thậm chí vô chính phủ. Khi tiến hành cuộc cải cách Minh trị, Nhật Bản đã chọn cho mình chính thể lập hiến phù hợp với truyền thống và trình độ dân trí khi đó. Nhìn vào các NIC's được tôn vinh lên hàng "tiểu long" thì thấy rõ, đó không phải là nơi có chế độ dân chủ nhất. Lời giải đáp của bài toán là ở chỗ, trong khi thi hành các quyền tự do dân chủ cơ bản của công dân đã được ghi nhận trong hiến pháp thì rất cần *củng cố một quyền lực tập trung* cao đủ sức mạnh để bảo đảm sự ổn định chính trị, giữ vững kỷ cương xã hội và tổ chức phát triển. Hơn thế nữa, trong khi nắm vững quyền lực chính trị thì phải tiến dần đến *tự do hóa về kinh tế*, hướng hoạt động tư nhân vào lĩnh vực kinh doanh để đem lại sự tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống xã hội.

Hai là, *mối quan hệ giữa giới cầm quyền và thành tựu phát triển*. Nói đến quyền lực tập trung chính là nói đến vai trò của bộ máy nhà nước, của đảng cầm quyền và của cá nhân vị nguyên thủ quốc gia. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy khi quyền dân chủ rơi vào tay những người không có năng lực thì tình hình sẽ tồi tệ hơn nhiều lần so với quyền lực tập trung vào một tập đoàn hay một con người có tài năng. Đương nhiên, tình hình sẽ nguy hiểm hơn nếu quyền lực ở trong tay một nhà độc tài kèm cỡi. Cho nên, năng lực của người cầm quyền có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thậm chí có vai trò quyết định đối với những bước ngoặt của đất nước. Nhiều nhân vật trên chính trường Á đông hiện đại đã để lại những dấu ấn đậm nét trong bước tiến triển của đất nước họ. Từ hoàn cảnh khác nghiệt của những hòn đảo nghèo tài nguyên, Singapo và Đài Loan đã bước lên hàng các quốc gia có độ tăng trưởng cao. Khắc phục hậu quả của cuộc chiến tranh khốc liệt, Nam Triều Tiên xây dựng đất nước từ con số không, Thái Lan và Malaixia đang vươn tới

đề trở thành "con rồng thứ năm" của châu Á. Mỗi nơi một cách, vai trò lịch sử của các nhà lãnh đạo và giới cầm quyền các nước đó chính là đã tìm ra đường hướng chiến lược phát triển phù hợp với hoàn cảnh thực tế, khởi thảo các kế hoạch và ban hành các chính sách thích ứng với từng giai đoạn, điều hành có hiệu quả công cuộc xây dựng đất nước. Họ vượt qua nhiều chặng đường để đưa đất nước trở thành những điểm sáng trong khu vực.

Ba là, mối quan hệ giữa con người và sự phát triển. Vai trò của người lãnh đạo là ở chỗ hoạch định chiến lược phát triển quốc gia. Song các kế hoạch có trở thành hiện thực hay không, điều chủ yếu tùy thuộc vào sự phát huy yếu tố con người với tính cách là động lực phát triển. Đó là những con người trong một cộng đồng có tổ chức, có sự phân công lao động: nhà hoạch định chiến lược, người điều hành và quản lý, nhà phát minh khoa học kỹ thuật, người lao động trực tiếp... Tất cả tạo thành một dây chuyền xã hội mà mỗi cá nhân phát huy tiềm năng của bản thân trong phản ứng tương tác với cả cộng đồng theo lôgic và biện chứng tự nhiên của nó. Trong mối quan hệ tổng hòa của xã hội, cách phân loại giản đơn và xơ cứng về người lao động và kẻ bóc lột, về lao động trực tiếp và lao động gián tiếp để rồi đề cao một chiều lao động chân tay là không phù hợp với một xã hội công nghệ có trình độ kỹ thuật cao đòi hỏi mỗi người lao động đều phải là những người có tri thức kỹ thuật. Vì thế, yếu tố con người của xã hội hiện đại không dựa vào số đông mà điều chủ yếu phải là những con người trí tuệ, nghĩa là những người được giáo dục, được đào tạo. Nhà tương lai học Alvin Toffler nhắc nhở rằng: "con người nào không được đào tạo, con người đó sẽ bị xã hội loại bỏ. Dân tộc nào không được đào tạo, dân tộc đó sẽ bị đào thải". Nhận thức rõ vai trò của sự đào tạo, giới cầm quyền nhiều quốc gia đã đặc biệt coi trọng công tác giáo dục bằng sự đầu tư lớn với những chính sách ưu đãi. Singapo đã nhận thức đúng rằng nguồn tài nguyên duy nhất của họ là con người nên đã quyết tâm giáo dục và đào tạo "những con người trí tuệ" và biến đất nước thành hòn đảo thông minh".

Nhiều học giả phát hiện một yếu tố tinh thần thúc đẩy sự phát triển ở phương Đông là vai trò của Khổng giáo. H.T.Oshima nhận xét về Singapo: "Cũng như ở các nước Đông Á, họ có một trật tự lao động chịu ảnh hưởng lớn của giáo lý đạo Khổng". Các nhà Nhật bản học ở Mỹ nêu lên: "Yếu tố Khổng giáo là yếu tố làm cho phương Đông phát triển". Còn L.Vandermeesch thì nhìn nhận rằng "thế giới Hán hóa sẽ cho ra đời một nền văn minh ngang với phương Tây về kinh tế, khoa học kỹ thuật nhưng lại dựa vào một nhân sinh quan và thế giới quan khác hẳn. Một trong những nét mà các nước phương Đông tiếp nhận ảnh hưởng Nho giáo là ở chỗ coi đó như một kỷ cương về trật tự xã hội vua-tôi, cha-con, chồng-vợ mà ngày nay được áp dụng vào mối quan hệ chủ-thợ. Khác với các nước Âu Mỹ, giới chủ Nhật Bản đã tạo nên mối quan hệ chủ - thợ vừa mang yếu tố ràng buộc, vừa mang yếu tố tự nguyện của những thành viên trong một gia đình. Nhưng sẽ là không đầy đủ nếu chỉ nhấn mạnh vai trò của Khổng giáo, bởi vì ngay trên quê hương của nền triết học cổ đại này, nước Trung Hoa lục địa lại chưa có những bước chuyển mình lớn lao như các láng giềng của họ. Cho nên, điều quan trọng chính là ở sự kết hợp quan điểm triết lý truyền thống phương Đông với những yếu tố văn hóa xã hội công nghiệp hiện đại, nó làm thay đổi hẳn cách thức lao động, xóa bỏ dần những thói quen lạc hậu của sản xuất nông nghiệp và do đó làm thay đổi cung cách tư duy. Việc rèn luyện cho cả một dân tộc

tiến bước từ nền văn minh nông nghiệp, thích ứng với những đòi hỏi của văn minh công nghiệp), không phải là điều dễ dàng. Chính ở điểm này, giới cầm quyền nhiều nước đã nhận thức được và đưa nó vào nội dung giáo dục, tạo nên sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong lĩnh vực tư tưởng, rồi từ đó tạo nên sự chuyển biến trong sản xuất.

Bổn là *mối quan hệ giữa pháp lý và đạo lý*. Nền tảng pháp lý của mỗi quốc gia, trước hết là hiến pháp. Các nhà nước độc lập được cấu trúc theo kiểu hiện đại - dù là Cộng hòa hay Vương quốc - đều ban hành hiến pháp, rồi từ đó soạn thảo các bộ luật. Đối với các nước phát triển Âu Mỹ, hiến pháp được ổn định và được coi là văn kiện cơ bản của quốc gia. Nhưng đối với các nước phương Đông, nơi mà tư duy lý tính thường được pha trộn đậm nét cảm tính có tính truyền thống thì hình như riêng hiến pháp là chưa đủ. Cần phải có một lý thuyết quốc gia bao hàm những yếu tố đạo lý mà qua đó, người dân dễ tiếp nhận và thi hành. Nếu hiến pháp là văn kiện cơ bản về pháp lý, thì lý thuyết quốc gia có giá trị lớn về mặt tinh thần của người dân. Hiến pháp quy định chính thể, những nguyên tắc cấu trúc quyền lực, quyền lợi và nghĩa vụ công dân, còn lý thuyết quốc gia có ý nghĩa gắn kết, kết hợp với yếu tố tôn giáo và bản sắc dân tộc, nêu lên bốn phận của mỗi con người đối với Thượng đế, với Tổ quốc, với Cộng đồng.

Năm 1947, Xucacnô đưa raly thuyết PANCHASILA bao gồm 5 nguyên tắc: Niềm tin Thượng đế, chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân chủ, công bằng xã hội. Từ đó, PANCHASILA trở thành động lực tinh thần của sự đoàn kết các thành phần xã hội trong công cuộc giành độc lập và xây dựng đất nước Indônêxia. Tổng thống tiếp theo là Xuhacnô vẫn coi "PANCHASILA và HIẾN PHÁP 1945" là nền tảng của xã hội Indônêxia dưới "chế độ trật tự mới" được đề xướng từ năm 1965.

Năm 1970, sau vụ xung đột gay gắt về sắc tộc, Malaixia đã đưa ra lý thuyết RUCUNEGARA có nghĩa là "Nền tảng Quốc gia". Văn kiện nêu lên 3 mục tiêu cơ bản của đất nước là:

- Đoàn kết các đồng đồng dân tộc trong một dân tộc thống nhất Malaixia.
- Thực hiện dân chủ, xây dựng xã hội bình đẳng, chính nghĩa, giàu mạnh
- Phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, tiến kịp khoa học kỹ thuật hiện đại

Nhằm mục tiêu đó, 4 điều tâm niệm (nguyên tắc) của mỗi người dân là: tin vào Thượng đế, trung thành với Nhà vua và Tổ quốc, tôn trọng hiến pháp và pháp luật, gìn giữ phẩm hạnh và đạo lý.

Rõ ràng PANCHASILA cũng như RUCUNEGARA đã đúc kết những mục tiêu cơ bản nhất của Quốc gia, đồng thời là bốn phận của Công dân mà mọi người đều có nghĩa vụ bảo vệ và thực hiện như những giá trị đạo đức của mỗi thành viên trong cộng đồng. Cho nên, việc đề xuất những lý thuyết quốc gia, một hệ thống lý luận kết hợp pháp lý và đạo lý, kết hợp mối quan hệ Tổ quốc - Tôn giáo - Dân tộc - Cộng đồng, được cô đúc và đại chúng hóa là điều rất cần thiết thu hút các lực lượng dân tộc vào sự nghiệp chung của đất nước.

*
* *

Từ góc độ nghiên cứu lịch sử các nước ASEAN, chúng tôi muốn dừng bài viết ở đây. Nên chăng, coi những điều trên như kinh nghiệm gợi mở cho việc nhìn về con đường của

chúng ta. Đến nay, không có một mô hình nào là tuyệt đối, chỉ có sự lựa chọn những yếu tố tích cực trong mỗi mô hình thích hợp với hoàn cảnh của đất nước mới đưa đến thành công. Và trong cuộc hành trình kiến quốc ấy, không dừng lại ở kinh nghiệm của người đi trước mà còn phải tự khai phá đường đi nước bước của chính chúng ta. Điều đó lại là một đề tài cần được nghiên cứu sâu sắc với những dự án phát triển của các nhà khoa học cũng như các nhà hoạch định chiến lược quốc gia.